TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2019/DS-PT
Ngày: 06 - 5 - 2019
"V/v:Kiện đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Bằng.

Các Thẩm phán: Ông Văn Công Dần

Ông Hoàng Kim Khánh.

Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Thê - Chức vụ: Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Bà Nguyễn Thị Hải Anh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày06 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2019/TLPT-DS ngày 22/01/2019 về tranh chấp: *"Kiện đòi tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 103/2018/DS-ST ngày 03/12/2018 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 75/2019/QĐ-PTngày 13/3/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 53/2019/QĐ-PT ngày 04/4/2019 và thông báo chuyển lịch xét xử ngày 17/4/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:Bà Trần Phạm Kim H, sinh năm 1969.

Địa chỉ: đường X, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.(vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Mai Thị Ngọc A, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Đường Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.(có mặt).

2. Bị đơn: Ông Lục Đức T, sinh năm 1956(có mặt) và bà Đường Thị Cúc H1, sinh năm 1959(vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Đường X, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Người kháng cáo: Bị đơn ông Lục Đức T, bà Đường Thị Cúc H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Mai Thị Ngọc A trình bày:*

Do quen biết nên vào năm 2011 bà Trần Phạm Kim H có cho ông Lục Đức T, bà Đường Thị Cúc H1 vay với tổng số tiền là 519.000.000 đồng. Ngày 28/3/2018 bà H khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông T, bà H1 phải trả cho bà số tiền trên. Sau đó bà H lại rút một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền là 319.000.000 đồng. Bà H chỉ còn khởi kiện số tiền là 200.000.000 đồng, không tính lãisuất, cụ thể các lần vay như sau:

Ngày 29/01/2011: 60.000.000 đồng; ngày 01/02/2011: 10.000.000 đồng; ngày 26/02/2011: 40.000.000 đồng; ngày 22/03/2011: 25.000.000 đồng; ngày 28/03/2011: 15.000.000đồng; ngày 12/04/2011: 20.000.000đồng; ngày 04/05/2011: 30.000.000 đồng. Tổng cộng là 200.000.000 đồng, các lần vay đều có ghi giấy, có chữ ký xác nhận của bị đơn.

** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn trình bày:*

Ông T, bà H1 xác nhận chữ viết, chữ ký vào các giấy tờ nhận tiền như bà Trần Phạm Kim H trình bày, là chữ viết,chữ ký của ông T bà H1 nhưng đây là những giấy tờ xác nhận việc trả tiền mà bà H mua bán đất với vợ chồng ông.

Vào năm 2011, vợ chồng ông Lục Đức T, bà Đường Thị Cúc H1 có vay của ngân hàng số tiền 500.000.000 đồng, đến ngày đáo hạn do không có tiền trả ngân hàng nên ông T, bà H1 quyết định bán miếng đất bằng hình thức viết giấy tay (Lúc đó sổ đỏ đang thế chấp ở ngân hàng) cho bà H với giá 940.000.000 đồng. Bà H đã trả cả gốc và lãi cho ngân hàng là 543.000.000 đồng, số tiền còn lại bà H trả cho ông T, bà H1 lặt vặt, mỗi lần từ 15 triệu đến 30 triệu đồng, đến nay đã thanh toán hết chưa ông T, bà H1 cũng không rõ.

Sau khi làm thủ tục sang nhượng qua công chứng, lúc đầu bị đơn chỉ bán căn nhà trên diện tích đất 372.3m^2, nhưng không biết lý do gì mà nguyên đơn đã làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới, bao hết phần còn lại của gia đình trong diện tích 589m^2. Thủ tục sang nhượng và thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã vi phạm quy định của pháp luật đất đai vì vậy các con của bị đơn đã khởi kiện và đang được Tòa án giải quyết.

Vì những lý do trên, ông Lục Đức T, bà Đường Thị Cúc H1 yêu cầu Tòa án không chấp nhận những nội dung khởi kiện của bà Trần Phạm Kim H.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 103/2018/DS-ST ngày 03/12/2018 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã quyết định:

Căn cứ quy định khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 146, Điều 147, Điều 160, Điều 161, Điều 162, Khoản 1 Điều 207, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sựnăm 2015;

Căn cứ Điều 2 Nghị quyết số 103/2015 ngày 25/11/2015 của Quốc hội, điểm a khoản 3 Điều 159 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2011, điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012 ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

Căn cứ Điều 471, Điều 474, khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ quy định Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí vàlệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Phạm Kim H. Buộc ông Lục Đức T và bà Đường Thị Cúc H1 có trách nhiệm trả cho bà Trần Phạm Kim H số tiền 200.000.000 đồng;

Áp dụng khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án khi đương sự có đơn yêu cầu thi hành án;

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện 319.000.000 đồng của nguyên đơn, nếu có tranh chấp thì nguyên đơn có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13/12/2018 bị đơn ông Lục Đức T, bà Đường Thị Cúc H1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm với nội dung: Tòa án thành phố Buôn Ma Thuột, xét xử vắng mặt vợ chồng ông là vi phạm,bởi vợ chồng ông không được giao nhận quyết định hoãn phiên tòa số117/2018/QĐST-HNGĐ ngày14/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột. Ngày07/12/2018, vợ chồng ông mới nhận được 01 quyết định hoãn phiên tòa số 160/2018/QĐ-ST-HNGĐ, ngày 13/11/2018, trong nội dung hoãn phiên tòa, lại ghi về việc "ly hôn và con chung" trong khi đó vụ kiện mà tòa xét xử là "tranh chấp vay tài sản". Số tiền 200.000.000 đồng mà bà H khởi kiện tại Tòa án Thành phố Buôn Ma Thuột buộc vợ chồng ông phải trả cho bà H xuất phát từ việc chuyển nhượng đất giữa vợ chồng ông với bà H,giấy nhận tiền mà bà H cung cấp cho tòa án là thể hiện việc vợ chồng ông nhận tiền từ bà H và bà H còn nợ tiền mua đất của vợ chồng ông.

Tại phiên tòa, bị đơn bà Đường Thị Cúc H1 vắng mặt không có lý do chính đáng và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, các đương sự khác không cung cấp

thêm tài liệu, chứng cứ gì mới. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.Các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm cũng như các đương sự đã tuân thủ đúng với qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với kháng cáo của bà Đường Thị Cúc H1:Tại phiên tòa hôm nay, bà H1 vắng mặt lần thứ hai, không có lý do chính đáng mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa, Thông báo chuyển lịch xét xử vụ án và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 312 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Đường Thị Cúc H1.

Xét kháng cáo của ông Lục Đức T, thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm có nhiều vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, các chứng cứ chưa được điều tra, xác minh, thu thập đầy đủ. Do vậy, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 - chấp nhận đơn kháng cáo của ông Lục Đức T- Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 103/2018/DS-ST ngày 03/12/2018 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử lại theo đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị đơn ông Lục Đức T và bà Đường Thị Cúc H1 có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định. Đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm nên vụ án được giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là phù hợp.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, người kháng cáo bị đơn bà Đường Thị Cúc H1 vắng mặt lần thứ hai mặc dù đã được tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do vậy Hội đồng xét xử cần đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị đơn bà Đường Thị Cúc H1.

[3]Xét nội dung kháng cáo của ông Lục Đức T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1] Về thủ tục tố tụng:

[3.1.1] Ngày 14/11/2018, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã ban hành Quyết định hoãn phiên tòa số 117/2018/QĐST-HNGĐ ngày 14/11/2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" (bút lục số 66). Tại Biên bản giao Quyết định hoãn phiên tòa đề ngày 14/11/2018 (Bút lục số 65), Tòa án cấp sơ thẩm đã giao Quyết định hoãn phiên tòa cho đương sự là ông Lục Đức T và bà Đường Thị Cúc H1 nhưng biên bản không thể hiện tống đạt quyết định nào cho đương sự. Mặt khác, tại đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Lục Đức T cho rằng không được nhận Quyết định hoãn phiên tòa số 117/2018/QĐST-HNGĐ ngày 14/11/2018 và cho rằng quá trình tố tụng ông T có ký chỗ người nhận 04 văn bản không ghi nội dung do cán bộ Tòa án lập. Ông chỉ nhận được Quyết định hoãn phiên tòa số 160/2018/QĐST-HNGĐ ngày 13/11/2018 về việc "Ly hôn và con chung" do Tòa án gửi thông qua đường bưu điện (Búc lục số 88, 89) vào ngày 07/12/2018 nên ông bà không thể tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm ngày 03/12/2018 được. Như vậy,việc tòa án cấp sơ thẩm tống đạt quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn là chưa hợp lệ, nhưng vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là không đúng theo quy định tại các Điều 22, 175 và 233 của Bộ luật tố tụng dân sự, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

[3.1.2] Tại quyết định đưa vụ án ra xét xử số 136/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/11/2018, Tòa án cấp sơ thẩm ấn định thời gian mở phiên tòa vào lúc 13 giờ 30 phút ngày 14/11/2018, tuy nhiên phiên tòa lại được diễn ra trước thời điểm trên (Bút lục 63-64) là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng dân sự. Mặc khác, đây là vụ án dân sự, tuy nhiên các quyết định trong vụ án đều lấy ký hiệu vụ án là vụ án hôn nhân gia đình là không đúng với biểu mẫu được ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[3.1.3] Trong quá trình giải quyết vụ án,ngày 13/7/2018, Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành lập biên bản lấy lời khai của nguyên đơn bà Trần Phạm Kim H về số tiền 200.000.000 đồng (BL 49). Ngày 06/8/2018, Tòa án tiến hành mời các đương sự trong vụ án để tiến hành đối chất. Ngày 27/8/2018, do các đương sự không có mặt đầy đủ nên Tòa án tiến hành lập biên bản không tiến hành đối chất được (BL 54-55). Như vậy, hồ sơ vụ án thể hiện Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ theo quy định của pháp luật nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không gửi hồ hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột là vi phạm vào Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3.2] Về nội dung: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cho rằng tất cả số tiền mà ông Lục Đức T, bà Đường Thị Cúc H1 đã nhận trong các giấy nhận tiền từ ngày 14/01/2011 đến ngày 04/5/2011 chính là số tiền bà Trần Phạm Kim H trả tiền sang nhượng đất cho vợ chồng ông và bà H cũng thừa nhận vào tháng 01/2011, bà

H có nhận chuyển nhượng nhà và đất của ông T bà H1, với giá 950.000.000đồng, hai bên cam kết như sau: *"...hai bên thống nhất nay tôi viết giấy này nhận tiền đặt cọc bán nhà và đất cho chị Trần Phạm Kim H số nhà thuộc khối 9 phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk số tiền là 800.000.000đồng (tám trăm triệu đồng chẵn...").* Tại mục ghi chú bà H có ghi: "*còn lại 150.000.000đồng tôi sẽ trả cho anh T vào tháng 2 âm lịch 2011".* Như vậy, trong 07 lần ông T bà H1 nhận tiền của bà H trùng với thời gian bà H còn nợ tiền của vợ chồng ông T, 07 lần mà vợ chồng ông T nhận tiền của bà H có phải bà H trả tiền bán nhà và đất cho vợ chồng ông T không, về nội dung này tòa cấp sơ thẩm chưa làm rõ, nhưng đã tuyên buộc bị đơn ông T bà H1 phải trả cho bà H số tiền 200.000.000đồng là chưa có cơ sở.

[4] Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã có những vi phạm nghiêm trong thủ tục tố tụng dân sự, việc điều tra, xác minh thu thập chứng cứ chưa đầy đủ. Do vậy, cần chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bị đơn, chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 103/2018/DS-ST ngày03/12/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tỉnh Đắk Lắk, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

[5] Do bản án bị hủy nên bị đơn ông Lục Đức T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Do đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà H1 nên số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm được sung vào công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310, khoản 2 Điều 312 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 2 Điều 18; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị đơnbà Đường Thị Cúc H1.Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bị đơn ông Lục Đức T. Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 103/2018/DS-ST ngày 03/12/2018 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk giải quyếtlại theo thủ tục chung.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Ông Lục Đức T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông T số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp theo biên lai thu số: AA/2017/0011609 ngày 25/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Sung vào công quỹ Nhà nước số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm mà bị đơn bà Đường Thị Cúc H1 đã nộp (ông Lục Đức T nộp thay) theo biên lai số AA/2017/0011608 ngày 25/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *TAND cấp cao tại Đà Nẵng;*
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND Tp Buôn Ma Thuột;*
- *TAND Tp Buôn Ma Thuột (kèm theo hồ sơ vụ án);*
- *Chi cục THADS Tp B;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu Hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Bằng